

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XNK VÀ PHÂN PHỐI THIÊN HÀ**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XNK VÀ PHÂN PHỐI THIÊN HÀ

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: THIEN HA XNK TRADING AND DISTRIBUTION COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108274817

**3. Ngày thành lập:** 17/05/2018

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Tầng 4, số 99 đường Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0969306378

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                               | Mã ngành |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh                                                                                                                                                          | 0118     |
| 2.  | Trồng cây gia vị, cây dược liệu                                                                                                                                                                         | 0128     |
| 3.  | Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt                                                                                                                                                         | 1010     |
| 4.  | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết :<br>- Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh;<br>- Cho thuê xe có người lái để vận tải hành khách, hợp đồng chở khách đi tham quan, du lịch | 4932     |
| 5.  | Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa                                                                                                                                                                     | 5022     |
| 6.  | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                                                                                        | 5224     |
| 7.  | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                                             | 5210     |
| 8.  | Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                                                                                                                            | 7920     |
| 9.  | Dịch vụ đóng gói                                                                                                                                                                                        | 8292     |
| 10. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống                                                                                                                                  | 4620     |
| 11. | Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản                                                                                                                                                 | 1020     |
| 12. | Chế biến và bảo quản rau quả                                                                                                                                                                            | 1030     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |             |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 13. | Bán buôn thực phẩm<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt<br>- Bán buôn thủy sản<br>- Bán buôn rau, quả<br>- Bán buôn chè<br>- Bán buôn cà phê<br>- Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột<br>- Bán buôn thực phẩm khác                                                                                                                                                     | 4632        |
| 14. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết :<br>- Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm;<br>- Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh;<br>- Bán buôn dụng cụ y tế;<br>- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện;<br>- Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự;<br>- Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao                                                                                                       | 4649        |
| 15. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4690        |
| 16. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4721        |
| 17. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ thịt và các sản phẩm thịt trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ thủy sản trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ rau, quả trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh, mứt, kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ thực phẩm khác trong các cửa hàng chuyên doanh     | 4722        |
| 18. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện trong các cửa hàng chuyên doanh;<br>- Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự trong các cửa hàng chuyên doanh;<br>- Bán lẻ đồ dùng gia đình bằng gốm, sứ, thủy tinh trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759        |
| 19. | Cổng thông tin<br>(trừ hoạt động báo chí)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 6312        |
| 20. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4933(Chính) |
| 21. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4723        |

|     |                                                                                                                                     |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 22. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)<br>Chi tiết : Vận tải hành khách bằng taxi      | 4931 |
| 23. | Bưu chính<br>Chi tiết: Phân phối và phân phát thư, bưu phẩm, bưu kiện (trừ hoạt động bưu chính quốc tế và chuyển phát quốc tế)      | 5310 |
| 24. | Chuyển phát<br>(trừ hoạt động bưu chính quốc tế và chuyển phát quốc tế)                                                             | 5320 |
| 25. | Cho thuê xe có động cơ<br>Chi tiết: Cho thuê ô tô                                                                                   | 7710 |
| 26. | Đại lý du lịch                                                                                                                      | 7911 |
| 27. | Điều hành tua du lịch                                                                                                               | 7912 |
| 28. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh | 8299 |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

### 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: PHẠM THỊ MỸ LƯƠNG

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 07/01/1982

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 017182000370

Ngày cấp: 27/04/2017

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 25, Tổ 4, Thị Trấn Xuân Mai, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 25, Tổ 4, Thị Trấn Xuân Mai, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

### 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: PHẠM THỊ MỸ LƯƠNG

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 07/01/1982

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 017182000370

Ngày cấp: 27/04/2017

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 25, Tổ 4, Thị Trấn Xuân Mai, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 25, Tổ 4, Thị Trấn Xuân Mai, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

### 9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội

